

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Văn Mẫn**

2. Ông **Lê Tuấn Kiệt**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Kép** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tố Như** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh ngày 23/01/2000

Địa chỉ: Số B, Khóm B, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị Xuân N**, sinh ngày 02/4/2002

Địa chỉ: Số H, đường C, Khóm N, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P và bị đơn chị Trần Thị Xuân N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh P và chị N tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu ngày 09/5/2020. Trong quá trình chung sống thường xảy ra bất hòa, nhiều lần góp ý nhưng vợ vẫn không thay đổi, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị N, chị N đồng ý ly hôn với anh P.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống có một con chung tên Nguyễn Trần Thanh V, sinh ngày 25/9/2019. Hiện con chung đang sống cùng chị N. Anh P và chị N thống nhất khi ly hôn giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị N yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung: Một xe máy loại xe hai bánh từ 50-175cm³, SONIC 150R, nhãn hiệu Honda, biển số 94K2-162.96, màu sơn đo – đen, số máy BK11E1273249, số khung MH1KB1117LK273553, xe đã qua sử dụng. Xe mua vào tháng 02/2021. Hiện anh P đang quản lý, sử dụng xe.

Anh P và chị N đều có yêu cầu được nhận xe và hoàn lại ½ giá trị xe.

Nợ chung: Anh P và chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định.

Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh P và chị Trần Thị Xuân N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có một con chung tên Nguyễn Trần Thanh V, sinh ngày 25/9/2019. Khi ly hôn giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung:

Một xe máy loại xe hai bánh từ 50-175cm³, SONIC 150R, nhãn hiệu Honda, biển số 94K2-162.96, màu sơn đo – đen, số máy BK11E1273249, số khung MH1KB1117LK273553, xe đã qua sử dụng. Xe mua vào tháng 02/2021. Giao xe cho anh P, anh P giao lại cho chị N ½ giá trị xe theo kết quả định giá.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và án phí anh Nguyễn Thanh P, chị Trần Thị Xuân N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Xuân N, chị N có yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, nên đây là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị N cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, chị Trần Thị Xuân N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh P, chị N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh P và chị Trần Thị Xuân N tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu ngày 09/5/2020. Nên hôn nhân giữa anh P và chị N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Anh P và chị N xác định trong quá trình chung sống thường xảy ra bất hòa, nhiều lần góp ý nhưng vợ vẫn không thay đổi, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị N, chị N đồng ý ly hôn với anh P.

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh P và chị N.

[4] Về con chung: Anh P và chị N xác định trong quá trình chung sống có một con chung tên Nguyễn Trần Thanh Vy, sinh ngày 25/9/2019. Hiện con chung đang sống cùng chị N. Khi ly hôn giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh P được quyền thăm nom con chung, không ai được phép ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh P và chị N đều không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho thu nhập của cả hai, cho nên không có căn cứ xác định được thu nhập của anh P và chị N như thế nào. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con anh P phải thực hiện mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian tính từ tháng 10/2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[5] Tài sản chung:

Anh P và chị N thống nhất xác định tài sản chung của vợ chồng là một xe máy loại xe hai bánh từ 50-175cm³, SONIC 150R, nhãn hiệu Honda, biển số 94K2-162.96, màu sơn đo – đen, số máy BK11E1273249, số khung MH1KB1117LK273553, xe đã qua sử dụng. Xe mua vào tháng 02/2021, chị N là người đứng tên chủ sở hữu, xe hiện nay anh P đang quản lý, sử dụng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn, tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung.

Không có căn cứ xác định giữa anh P và chị N ai có công sức đóng góp nhiều nên tài sản chung sẽ được chia đôi.

Qua kết quả định giá xác định xe này giá trị còn lại là 39.750.000 đồng.

Anh P hiện đang quản lý, sử dụng xe cho nên giao xe cho anh P, anh P có trách nhiệm hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe cho chị N theo kết quả định giá với số tiền là 19.875.000 đồng.

[6] Về nợ chung: Anh P, chị N xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 600.000 đồng. Anh P và chị N mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$, thành tiền là 300.000 đồng. Chị N đã nộp và chi xong, nên anh P có trách nhiệm trả lại cho chị N số tiền 300.000 đồng.

[8] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do anh P và chị N thuận tình ly hôn nên anh P và chị N mỗi người phải chịu án phí là 75.000 đồng.

Án phí chia tài sản: Anh P, chị N phải nộp phải án phí có giá ngạch đối với giá trị tài sản được chia.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 157; khoản 2 Điều 165; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 33; Điều 34; Điều 55; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Điều của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh P và chị Trần Thị Xuân N.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống có một con chung tên Nguyễn Trần Thanh V, sinh ngày 25/9/2019. Giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Con chung hiện đang sống cùng chị N nên chị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Anh Nguyễn Thanh P được quyền thăm nom con chung, không ai được phép ngăn cản.

Anh Nguyễn Thanh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của anh Nguyễn Thanh P và chị Trần Thị Xuân N gồm: Xe máy loại xe hai bánh từ 50-175cm³, SONIC 150R, nhãn hiệu Honda, biển số 94K2-162.96, màu sơn đỏ – đen, số máy BK11E1273249, số khung MH1KB1117LK273553, xe đã qua sử dụng.

4. Giao cho anh Nguyễn Thanh P xe máy loại xe hai bánh từ 50-175cm³, SONIC 150R, nhãn hiệu Honda, biển số 94K2-162.96, màu sơn đỏ – đen, số máy BK11E1273249, số khung MH1KB1117LK273553, xe đã qua sử dụng. Chị N là người đứng tên chủ sở hữu, xe hiện nay anh P đang quản lý, sử dụng.

Anh Nguyễn Thanh P được quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký thay đổi chủ sở hữu xe theo quy định pháp luật đối với xe được giao nêu trên.

5. Buộc anh Nguyễn Thanh P có trách nhiệm hoàn trả cho chị Trần Thị Xuân N giá trị của $\frac{1}{2}$ xe nêu trên với số tiền 19.875.000 đồng.

6. Về nợ chung: Anh Nguyễn Thanh P, chị Trần Thị Xuân N xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

7. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp là 600.000 đồng. Anh P phải chịu 300.000 đồng, chị N phải chịu số tiền 300.000 đồng. Chị N đã nộp và chi xong, nên anh P có trách nhiệm trả lại cho chị N số tiền 300.000 đồng.

8. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

9. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch anh Nguyễn Thanh P và chị Trần Thị Xuân N mỗi người phải chịu là 75.000 đồng.

Anh Nguyễn Thanh P phải chịu án phí có giá ngạch là 993.750 đồng.

Bà Trần Thị Xuân N phải chịu án phí có giá ngạch 993.750 đồng.

Anh P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số [0008716](#) ngày [19/5/2023](#) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được khấu trừ án phí không có giá ngạch và án phí có giá ngạch, anh P phải nộp tiếp số tiền 768.750 đồng.

Chị N đã nộp 375.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số [0008912](#) ngày [20/7/2023](#) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được khấu trừ án phí không có giá ngạch và án phí có giá ngạch, chị N phải nộp tiếp số tiền 693.750 đồng.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

11. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- UBND Phường 5, thành phố Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Đã ký

Lê Hồng Lam